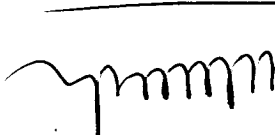


DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM TIN HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
 (Kèm theo Quyết định số 335/ABTH, ngày 5 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng,
 Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định công nhận số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thái Minh	12/05/1993	3,11	Khá	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 317
2	Đoàn Trung Quang	23/07/1993	2,56	Khá	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 284
3	Lê Doãn Thủy	21/09/1993	2,83	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 196
4	Nguyễn Thị Minh	01/08/1992	2,69	Khá	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 287
5	Đặng Thị Thu	21/04/1993	3,15	Khá	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 331
6	Ngô Thị Thu	03/07/1993	2,78	Khá	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 319
7	Trần Thị Minh	25/05/1993	2,64	Khá	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 298
8	Đào Thế Hoàng	13/07/1993	2,48	Trung bình	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 289
9	Nguyễn Thị Loan	06/02/1993	3,28	Giỏi	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 300
10	Huỳnh Văn Minh	19/06/1993	2,23	Trung bình	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 290
11	Phạm Thị Như	19/05/1992	3,04	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 201
12	Tôn Nữ Ngọc	13/11/1993	3,23	Giỏi	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 302
13	Lê Thị Thảo	15/10/1993	3,44	Giỏi	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 323
14	Huỳnh Thị Kim Nhân	23/03/1993	2,77	Khá	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 324
15	Lê Thị Yên	16/04/1993	2,67	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 203
16	Phan Thị Ý Nhi	20/05/1992	2,66	Khá	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 303
17	Nguyễn Phạm Thực Nhi	22/02/1992	3,22	Giỏi	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 304
18	Lê Thị Hồng Nhựt	03/04/1992	2,56	Khá	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 325
19	Võ Thuần Phát	07/06/1993	2,70	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 205
20	Trần Thị Hồng Phúc	02/09/1993	3,00	Khá	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 305
21	Nguyễn Thị Kim Quỳnh	15/07/1993	3,26	Giỏi	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 292
22	Cao Thị Thanh Tâm	08/10/1993	3,18	Khá	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 306
23	Dương Thị Minh Tâm	23/11/1993	3,16	Khá	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 326
24	Bồ Văn Tân	30/10/1993	2,53	Khá	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 294
25	Dương Xuân Thịnh	18/06/1993	2,54	Khá	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 295
26	Nguyễn Hoàng Bảo Tiên	01/01/1993	2,67	Khá	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 310
27	Nguyễn Đức Tiên	01/06/1993	2,46	Trung bình	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 311
28	Phan Thị Mỹ Trâm	09/01/1993	3,31	Giỏi	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 313
29	Lê Thị Anh Tuyết	04/02/1993	2,78	Khá	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 329
30	Phan Thị Kiều Uyên	20/05/1993	3,22	Giỏi	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 316

An định danh sách này có 30 (ba mươi) sinh viên, trong đó:

- 00 Xếp loại Xuất sắc
- 07 Xếp loại Giỏi
- 20 Xếp loại Khá
- 03 Xếp loại Trung bình





PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM VẬT LÝ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
 (Kèm theo Quyết định số 335/QĐ-TN ngày 5 tháng 5 năm 2015 của Hiệu trưởng.
 Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp
1	Nguyễn Thị Thuý	An	06/07/1993	3,81	Xuất sắc
2	Lê Thị Cẩm	12/12/1993	3,06	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
3	Ngô Thị Chính	04/04/1993	3,20	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
4	Nguyễn Thị Ai	10/08/1993	2,85	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
5	Nguyễn Thị Minh	30/07/1993	2,88	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
6	Huỳnh Thị Phương	15/07/1992	2,84	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
7	Lương Anh	18/08/1992	2,68	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
8	Nguyễn Thị Tuyết	17/02/1993	2,65	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
9	Lê Thị Diệu	17/10/1992	3,30	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
10	Hồ Thị Thuý	20/02/1993	3,14	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
11	Lê Thị Mỹ	01/01/1993	3,64	Xuất sắc	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
12	Lê Thị Thanh	07/10/1993	3,35	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
13	Nguyễn Thị Thu	10/06/1993	3,12	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
14	Hoàng Thị Lương	16/06/1993	3,13	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
15	Trịnh Thị Hồng	05/06/1993	3,20	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
16	Võ Thị Ngọc	05/11/1993	3,04	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
17	Nguyễn Ngọc Trâm	21/05/1993	2,93	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
18	Trương Đình Khải	28/11/1993	2,73	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
19	Đoàn Thị Mỹ	07/07/1993	2,87	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
20	Nguyễn Phú Lộc	22/09/1993	2,65	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
21	Hồ Thị Tuyết	08/09/1993	3,08	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
22	Bùi Thị Mân	10/03/1992	2,90	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
23	Ngô Văn Nam	28/11/1993	3,04	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
24	Lê Thị Quỳnh	01/02/1993	2,74	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
25	Nguyễn Thị Ngọc	30/12/1993	3,36	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
26	Phạm Thị Nguyệt	14/01/1993	3,63	Xuất sắc	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
27	Lê Thị Thu	18/06/1993	3,01	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
28	Nguyễn Đình Nhật	06/01/1993	2,99	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
29	Trần Thị Yên	30/10/1993	2,93	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
30	Đỗ Thị Phúc	02/01/1993	3,36	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
31	Nguyễn Thị Thuý	01/12/1992	2,85	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
32	Mai Văn Quang	15/01/1993	2,67	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
33	Nguyễn Thị Lê	14/04/1993	2,77	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
34	Nguyễn Thị Sương	25/02/1993	2,76	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
35	Võ Thị Thu	22/04/1993	3,51	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
36	Từ Thị Thu	21/11/1992	2,69	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
37	Lê Thị Mỹ	12/08/1993	3,29	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
38	Nguyễn Thị Thiệp	22/11/1993	3,07	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
39	Nguyễn Thị Tho	01/11/1993	3,16	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
40	Trần Thị Anh	14/01/1993	3,62	Xuất sắc	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
41	Võ Thị Minh	20/11/1993	3,14	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011
42	Trần Văn Tiên	01/01/1993	2,84	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
43	Trần Thị Ngọc Trâm	08/11/1993	2,81	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 122
44	Trần Thị Ai Trinh	02/08/1993	3,57	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 123
45	Thái Thị Hồng Vân	15/02/1992	2,79	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 124
46	Lê Thị Tường Vi	02/05/1993	3,21	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 125
47	Nguyễn Cao Viên	26/06/1993	3,49	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 126
48	Lê Quang Việt	12/12/1992	2,83	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 127
49	Trương Thị Hoàng Yên	04/02/1993	2,97	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 128

An định danh sách này có 49 (bốn mươi chín) sinh viên, trong đó:

- 04 Xếp loại Xuất sắc
- 11 Xếp loại Giỏi
- 34 Xếp loại Khá
- 00 Xếp loại Trung bình *lưu*

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
 (Kèm theo Quyết định số 355/ĐTN ngày 5 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng
 Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

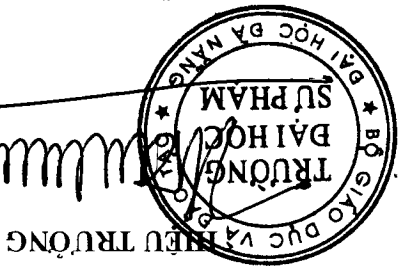
STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm T. bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trung tuyển số, ngày tháng năm
1	Ông Thiện An	03/05/1993	3,07	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 215
2	Nguyễn Thị Bích Chi	10/06/1993	3,12	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 216
3	Huỳnh Thị Phương Dung	11/06/1993	3,24	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 218
4	Nguyễn Thị Thúy Dung	16/05/1993	3,33	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 219
5	Tạ Thị Kim Dung	21/01/1993	3,58	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 220
6	Nguyễn Văn Duy	10/01/1993	3,28	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 221
7	Trần Thị Thái Hà	10/11/1993	3,01	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 223
8	Lê Huỳnh Thị Mỹ Hằng	10/04/1993	3,13	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 225
9	Nguyễn Thị Nguyệt Hằng	01/06/1993	2,90	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 226
10	Phan Thị Thanh Hiếu	21/07/1993	3,42	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 227
11	Phan Thị Hồng Hoanh	25/03/1993	2,90	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 228
12	Nguyễn Thị Hương	15/07/1993	2,96	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 229
13	Phan Thị Lan	13/07/1993	3,08	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 230
14	Đoàn Thị Sa Li	01/09/1993	3,61	Xuất sắc	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 231
15	Phan Thị Liên	05/12/1993	3,35	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 232
16	Ngô Thị Luyến	13/03/1993	2,81	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 236
17	Nguyễn Thị Lý	06/04/1993	2,81	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 237
18	Trương Thị Vương Mao	07/03/1993	3,35	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 238
19	Nguyễn Thị Trà My	27/08/1993	3,45	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 239
20	Cao Nhật Nam	09/07/1993	2,96	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 240
21	Vô Thị Nga	01/01/1992	2,98	Khá	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 13
22	Nguyễn Thị Hoàng Ngân	03/03/1993	3,27	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 241
23	Lê Thị Hư Nguyệt	29/01/1993	3,39	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 242
24	Nguyễn Thị Phương Oanh	17/08/1992	3,27	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 244
25	Nguyễn Thị Kim Oanh	12/03/1993	3,16	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 245
26	Lê Thị Kiều Oanh	07/03/1993	3,28	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 246
27	Nguyễn Quang Phong	23/08/1993	2,78	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 247
28	Nguyễn Thị Phương	10/08/1993	3,22	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 249
29	Thân Thị Phương	22/02/1993	3,10	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 250
30	Trần Thị Sang	16/07/1993	3,31	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 252
31	Ngô Thị Thanh Tâm	28/06/1993	3,21	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 254
32	Ngô Lữ Thanh	03/04/1993	3,50	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 255
33	Trần Dương Đà Thảo	08/03/1993	3,02	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 257
34	Nguyễn Thị Thảo	24/09/1991	3,00	Khá	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 15
35	Nguyễn Vương Hoài Thu	07/04/1992	3,62	Xuất sắc	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 260
36	Phan Đình Thuận	11/12/1993	3,47	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 258
37	Phan Thị Hoài Thuận	18/09/1993	3,27	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 261
38	Cao Thị Thuận	06/06/1993	3,43	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 262
39	Đặng Thị Thuận	15/03/1993	2,76	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 259
40	Đông Thị Ngọc Trâm	22/05/1993	3,49	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 264
41	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	09/02/1993	3,53	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 265
42	Nguyễn Văn Tuấn	27/02/1993	2,82	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 266

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
43	Bùi Vũ Thục	11/03/1993	3,40	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 268
44	Nguyễn Hoài Uyên	09/09/1993	3,04	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 269
45	Nguyễn Thị Thanh Vân	02/03/1993	2,92	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 270
46	Tân Thị Kim Xuyên	07/03/1993	2,88	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 273
47	Nguyễn Thị Yên	03/04/1993	3,55	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 274
48	Phạm Thị Yên	29/11/1993	3,03	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 275

Ann định danh sách này có 48 (bón mươi tám) sinh viên, trong đó:

- 02 Xếp loại Xuất sắc
- 23 Xếp loại Giỏi
- 23 Xếp loại Khá
- 00 Xếp loại Trung bình

[Signature]



PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM SINH HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
 (Kèm theo Quyết định số 335/QĐ-TN ngày 5 tháng 5 năm 2015 của Hiệu trưởng,
 Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Trần Thị Hà	15/12/1993	3,17	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 344
2	Nguyễn Thị Kim	28/03/1992	3,31	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 346
3	Lê Văn	28/10/1993	3,29	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 345
4	Bùi Thị Hồng	22/03/1993	3,02	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 349
5	Nguyễn Thị Kim	17/05/1993	3,06	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 350
6	Lê Thị Xuân	08/04/1993	2,85	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 356
7	Huỳnh Thị Bảo	23/05/1993	3,08	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 354
8	Tôn Lê Phương	18/03/1993	3,39	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 352
9	Lê Thị Mỹ	12/08/1992	2,76	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 353
10	Kim Thị Bích	15/11/1993	3,04	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 358
11	Hồ Thị Tĩnh	18/10/1993	3,12	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 360
12	Trần Thị Thu	17/10/1992	3,27	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 362
13	Lê Thị Thủy	21/03/1993	3,12	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 366
14	Lê Thị Thu	08/01/1993	3,07	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 367
15	Nguyễn Thị Thu	24/09/1993	3,34	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 372
16	Trần Thị Diệu	01/07/1993	3,03	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 373
17	Lê Thị	08/08/1992	3,27	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 374
18	Huỳnh Thị Thanh	11/06/1993	3,09	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 370
19	Nguyễn Thị	15/12/1993	3,60	Xuất sắc	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 375
20	Trần Thị Kim	08/04/1993	3,53	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 377
21	Lê Thị	05/04/1993	3,11	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 378
22	Nguyễn Thị	08/05/1993	2,90	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 382
23	Đặng Thị Thu	23/09/1993	2,69	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 383
24	Nguyễn Thị Thanh	28/04/1993	3,11	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 380
25	Huỳnh Thị Văn	26/06/1992	3,10	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 387
26	Đào Thị Hoàng	23/09/1993	2,74	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 386
27	Nguyễn Thị Tuyết	03/06/1993	3,25	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 389
28	Trần Thị Mỹ	14/08/1993	3,21	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 390
29	Nguyễn Cẩm	30/08/1992	2,85	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 391
30	Nguyễn Thị Việt	06/06/1993	3,07	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 395
31	Nguyễn Thị	20/02/1993	3,12	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 396
32	Phạm Thị	18/01/1993	2,79	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 397
33	Nguyễn Thị	18/09/1993	3,20	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 398
34	Huỳnh Thị Y	20/03/1993	3,36	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 400
35	Nguyễn Thị	10/04/1993	2,84	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 403
36	Võ Trần Hoàng	27/09/1993	3,08	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 406
37	Hồ Thị Trà	04/11/1993	3,36	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 402
38	Trần Thị Thanh	23/12/1993	3,07	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 407
39	Thái Kiều	28/09/1993	3,50	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 409
40	Lâm Thị Hồng	12/08/1993	3,21	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 408
41	Hoàng Thị	02/10/1993	3,39	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 415
42	Lê Thị Hồng	28/06/1993	3,36	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 414



HIỆU TRƯỞNG

- 01 Xếp loại Xuất sắc
- 23 Xếp loại Giỏi
- 55 Xếp loại Khá
- 00 Xếp loại Trung bình

An định danh sách này có 79 (bảy mươi chín) sinh viên, trong đó:

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
43	Trần Thị Kiều Oanh	13/11/1993	3,31	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 417
44	Đoàn Thị Nguyễn Phúc	06/11/1992	2,72	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 419
45	Nguyễn Thị Ngọc Phúc	20/01/1992	2,72	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 420
46	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	12/09/1993	3,56	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 424
47	Trần Thị Bích Phượng	18/09/1993	3,01	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 426
48	Phan Thị Bích Phượng	02/11/1992	3,11	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 427
49	Lâm Mai Phương	09/03/1993	2,70	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 422
50	Nguyễn Thị Hoài Phương	09/06/1993	2,99	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 423
51	Nguyễn Thị Quanh	12/09/1993	3,35	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 428
52	Nguyễn Thị Quyên	20/01/1989	2,97	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 431
53	Huỳnh Thị Sương	04/04/1991	3,01	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 432
54	Trần Thị Tân	12/06/1993	2,79	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 437
55	Nguyễn Thị Trang Thanh	10/09/1993	3,18	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 439
56	Võ Thị Thu Thảo	21/02/1993	3,14	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 441
57	Nguyễn Thị Thu Thảo	24/05/1993	2,79	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 442
58	Nguyễn Thị Thu Thảo	12/05/1993	2,88	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 445
59	Đinh Thị Thu Thảo	20/03/1993	2,93	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 446
60	Đặng Ngọc Bảo Thoa	21/05/1993	2,83	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 448
61	Lê Thị Thơm	05/10/1993	2,96	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 450
62	Nguyễn Thị Thủy	16/07/1993	2,67	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 452
63	Nguyễn Thị Như Thủy	28/11/1993	2,82	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 453
64	Lê Thị Thanh Thủy	01/08/1993	3,16	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 455
65	Lâm Nguyễn Hoàng Thủy	18/04/1993	2,93	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 456
66	Huỳnh Thủy Tiên	27/03/1993	3,00	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 461
67	Nguyễn Thị Thủy Trâm	26/12/1993	3,09	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 465
68	Nguyễn Thị Quý Trâm	01/01/1993	2,91	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 466
69	Trần Thị Ngọc Trâm	04/04/1993	3,05	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 467
70	Trần Triều Trâm	18/10/1993	2,83	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 470
71	Thái Thị Thủy Trâm	03/01/1993	3,45	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 464
72	Nguyễn Thị Thủy Trâm	12/01/1993	3,07	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 463
73	Cao Thị Tuyết Trâm	16/01/1993	2,67	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 472
74	Nguyễn Thị Minh Trâm	11/05/1993	3,46	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 474
75	Phạm Thị Tươi	19/09/1993	3,01	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 478
76	Bùi Thị Ngọc Tuyền	20/04/1992	3,04	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 475
77	Hà Thị Thanh Uyên	17/03/1993	3,29	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 480
78	Nguyễn Thị Thuý Uyên	15/03/1993	3,51	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 481
79	Huỳnh Thị Bích Vân	30/04/1993	2,81	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 482

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM NGŨ VĂN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
 (Kèm theo Quyết định số 355/2015/QĐ-ĐT ngày 5 tháng 5 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định công nhận số, ngày tháng năm
1	Huỳnh Thị Thủy	07/06/1992	3,10	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 684
2	Võ Thị Phương	06/10/1993	2,90	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 686
3	Nguyễn Thị Kim Anh	05/02/1993	3,03	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 687
4	Hoàng Thị Kim Anh	13/02/1993	3,25	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 688
5	Nguyễn Thị Kim Chi	15/06/1993	2,74	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 689
6	Hàn Thị Chương	06/01/1993	2,83	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 690
7	Alang Thị Công	21/04/1992	3,29	Giỏi	4447/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 14
8	Nguyễn Thị Yên Dung	06/11/1993	2,85	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 691
9	Nguyễn Hương Giang	20/11/1993	3,09	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 692
10	Nguyễn Thị Lệ Giang	18/02/1993	3,13	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 693
11	Nguyễn Thị Thu Hà	01/08/1993	3,06	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 694
12	Nguyễn Thu Hà	22/02/1993	3,59	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 695
13	Lê Thị Mỹ Hằng	24/08/1992	2,99	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 697
14	Bách Thị Hành	04/04/1990	3,10	Khá	6628/DHĐN-DT ngày 11/11/2011 4
15	Lưu Thị Hòa	28/11/1992	3,28	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 698
16	Nguyễn Thị Huệ	19/01/1993	3,43	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 699
17	Trần Thị Hương	05/09/1993	3,09	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 700
18	Trần Thiên Hương	10/11/1992	3,08	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 701
19	Nguyễn Thị Thu Khanh	09/06/1993	3,04	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 702
20	Đàm Trung Kiên	23/10/1992	2,78	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 703
21	Lê Thị Oanh Kiều	18/01/1993	3,07	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 704
22	Lê Thị Lan	09/06/1991	2,61	Khá	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 19
23	Nguyễn Thị Lê	12/09/1992	2,81	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 705
24	Nguyễn Thị Liễu	01/06/1992	2,88	Khá	6628/DHĐN-DT ngày 11/11/2011 3
25	Cù Thị Mỹ Linh	06/07/1993	2,96	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 707
26	Nguyễn Khanh Linh	28/10/1993	3,49	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 708
27	Nguyễn Thị Thủy Linh	05/09/1993	2,96	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 709
28	Nguyễn Nhật Linh	23/11/1993	2,97	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 710
29	Tương Thị Mai	20/03/1993	3,07	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 711
30	Hồ Thị Mật	13/07/1992	2,75	Khá	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 21
31	Võ Thị Hà May	18/02/1993	2,96	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 712
32	Đinh Thị Mía	09/10/1992	2,77	Khá	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 22
33	Trần Thị Kim Nghĩa	11/10/1993	3,41	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 714
34	Nguyễn Thị Phương	05/08/1993	3,03	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 717
35	Phan Thị Minh Quý	09/11/1993	3,18	Khá	5545/QĐ-DHĐN ngày 12/09/2012 1
36	Nguyễn Phương Quỳnh	26/08/1993	2,93	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 718
37	Đinh Nguyễn Thủy Quỳnh	01/01/1993	3,18	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 719
38	Trần Thị Tâm	13/08/1993	3,13	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 721
39	Nguyễn Thị Tâm	20/03/1992	3,35	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 722
40	Hồ Thị Thái	20/06/1991	2,71	Khá	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 23
41	Lê Thị Thanh	18/08/1993	3,18	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 723
42	Nguyễn Thị Phương Thảo	20/07/1992	3,53	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 725

PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH



HIỆU TRƯỞNG

- 02 Xếp loại Xuất sắc
- 16 Xếp loại Giỏi
- 40 Xếp loại Khá
- 01 Xếp loại Trung bình

Annexed list of 59 students (59 students) in the list, in the order:

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trung tuyển số, ngày tháng năm
43	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	21/11/1993	3,33	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 726
44	Hứa Bạch Thảo	27/05/1993	3,47	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 727
45	Huỳnh Thị Thu Thảo	01/11/1993	2,99	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 728
46	Nguyễn Hữu Thiên	17/06/1993	2,75	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 729
47	Ngô Thị Thanh Thủy	01/06/1993	2,94	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 730
48	Nguyễn Thị Lê Thủy	12/08/1992	3,26	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 731
49	Lê Thị Hà	26/06/1993	2,99	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 732
50	Nguyễn Thị Huyền Trang	01/06/1993	3,30	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 733
51	Trần Nguyễn Thùy Trang	08/06/1993	3,87	Xuất sắc	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 734
52	Trần Thị Trang	10/05/1993	3,01	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 735
53	Nguyễn Hoàng Trinh Phương	02/12/1992	3,12	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 738
54	Lê Thị Nhật Trung	17/03/1993	3,09	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 739
55	Lương Quỳnh Uyên	29/04/1993	3,27	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 740
56	Phan Thị Văn	23/02/1992	3,22	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 741
57	Lê Thị Ánh Vong	27/04/1993	3,83	Xuất sắc	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 742
58	Hồ Mạnh Vung	17/01/1991	2,47	Trung bình	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 24
59	Lê Thị Xuân	01/12/1993	3,20	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 743

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
 (Kèm theo Quyết định số 335/QĐ-TN ngày 5 tháng 5 năm 2015 của Hiệu trưởng)
 Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị An	14/10/1993	3,41	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 744
2	Lê Nguyễn Ngọc Anh	17/06/1992	2,69	Khá	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 604
3	Đinh Thị Hoàng Anh	07/10/1993	3,26	Giỏi	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 607
4	Trương Minh Anh	02/12/1991	2,80	Khá	6628/DHĐN-DT ngày 11/11/2011 5
5	Nay H' Bim	10/05/1993	3,16	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 745
6	Hoàng Thị Chí	17/09/1993	3,29	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 746
7	Nguyễn Thị Hồng Diễm	10/06/1992	3,08	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 747
8	Ngô Thị Thu Dung	16/03/1993	3,38	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 748
9	Nguyễn Thị Duyên	02/09/1993	3,36	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 749
10	Lê Quang Đạt	27/08/1992	2,71	Khá	4584/DHĐN-DT ngày 25/08/2011 6
11	Hà Nữ Thục Doan	15/07/1993	3,22	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 750
12	Nguyễn Thu Hằng	18/08/1993	3,07	Khá	6628/DHĐN-DT ngày 11/11/2011 1
13	Nguyễn Thị Hằng	03/10/1992	3,17	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 753
14	Trần Thị Bích Hạnh	02/06/1993	3,17	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 751
15	Ngô Thanh Hao	01/08/1988	2,69	Khá	6010/DHĐN-DT ngày 18/10/2011 606
16	Nguyễn Thị Hậu	24/06/1993	3,15	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 752
17	Nguyễn Thị Thu Hiền	19/10/1993	3,39	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 754
18	Lê Thị Hiệp	05/06/1992	3,15	Khá	6628/DHĐN-DT ngày 11/11/2011 18
19	Phạm Thị Hoa	02/09/1993	3,10	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 755
20	Trần Thị Hoài	17/09/1993	3,32	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 756
21	Đặng Minh Hoàng	25/01/1993	3,19	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 757
22	Võ Thị Ngọc Hoàng	20/10/1993	3,07	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 758
23	Lê Thị Hồng	08/02/1993	2,90	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 759
24	Trần Thị Hồng	06/03/1992	2,95	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 760
25	Nguyễn Ngọc Diễm Hương	01/01/1993	2,78	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 763
26	Trần Thị Huyền	10/02/1993	3,09	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 761
27	Nguyễn Thị Huyền	07/01/1992	3,48	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 762
28	Bùi Ly	06/04/1992	2,89	Khá	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 26
29	Nguyễn Thị Loan Ly	14/08/1991	2,65	Khá	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 27
30	Mai Thị Minh Ly	18/01/1993	3,20	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 764
31	Phạm Thị Mai	17/10/1992	2,93	Khá	6628/DHĐN-DT ngày 11/11/2011 7
32	Nguyễn Thị Mông	26/04/1993	3,36	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 765
33	Đặng Thị Ly Na	16/11/1992	3,38	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 766
34	Đoàn Anh Nam	25/06/1991	2,97	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 767
35	Nguyễn Thị Nguyệt	01/01/1993	3,19	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 768
36	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	25/03/1993	3,01	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 769
37	Đỗ Thiên Nha	05/06/1992	2,96	Khá	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 28
38	Lê Thị Kim Nhân	13/07/1993	3,14	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 770
39	Võ Thị Thu Nhi	27/09/1993	3,21	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 771
40	Nguyễn Thùy Nhiên	21/01/1993	3,34	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 772
41	Dương Thị Thùy Nhung	08/10/1993	3,24	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 773
42	Võ Thị Quyên	19/01/1992	2,81	Khá	6628/DHĐN-DT ngày 11/11/2011 17

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
43	Nguyễn Thị	Thì	12/11/1993	2,67	Khá	6010/ĐHĐN-ĐT ngày 18/10/2011 603
44	Lê Thị	Thuận	01/12/1992	3,04	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 29/08/2011 778
45	Ngô Thị	Thúy	30/04/1993	3,33	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 29/08/2011 780
46	Nguyễn Thị Hương	Thủy	22/02/1992	3,24	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 29/08/2011 781
47	Nguyễn Thị Ái	Thuyên	10/08/1993	3,04	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 29/08/2011 779
48	Ung Thị	Tiên	08/04/1993	3,03	Khá	6628/ĐHĐN-ĐT ngày 11/11/2011 8
49	Trần Thị Quỳnh	Trang	20/01/1993	3,04	Khá	6010/ĐHĐN-ĐT ngày 18/10/2011 602
50	Trần Thanh	Trung	13/03/1993	2,85	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 29/08/2011 782
51	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	20/12/1993	2,93	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 29/08/2011 784
52	Nguyễn Thị Hải	Yến	20/01/1993	2,97	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 29/08/2011 785

Ấn định danh sách này có 52 (năm mươi hai) sinh viên, trong đó:

- 00 Xếp loại Xuất sắc
- 17 Xếp loại Giỏi
- 35 Xếp loại Khá
- 00 Xếp loại Trung bình *hsm*

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH

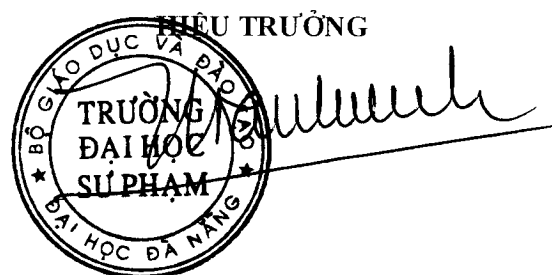
DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÝ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
 (Kèm theo Quyết định số 335/2017 ngày 5 tháng 5 năm 2015 của Hiệu trưởng,
 Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Bìp	Ably	20/06/1992	2,88	4447/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 13
2	Nguyễn Thị Ngọc	Ành	01/05/1993	3,41	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 786
3	Lê Văn Bón	Bón	27/11/1991	3,01	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 787
4	Ngô Thị Diễm	Diễm	06/01/1993	2,75	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 788
5	Dương Thị Kiều	Diễm	02/06/1993	3,00	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 789
6	Đỗ Thị Diệu	Diệu	11/02/1993	3,34	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 790
7	Kiều Thị Thuý	Dung	27/04/1993	3,04	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 792
8	Lê Đại	Duong	15/07/1990	3,45	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 794
9	Phạm Thị Duyên	Duyen	07/09/1993	2,71	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 793
10	Nguyễn Thị Anh	Đào	01/01/1993	2,92	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 795
11	Dương Thị Hà	Hà	20/05/1992	3,25	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 796
12	Nguyễn Thị Thanh Hải	Hải	30/06/1993	3,27	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 797
13	Nguyễn Thị Diệu Hằng	Hằng	21/03/1991	2,87	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 800
14	Lê Thị Hành	Hành	10/01/1993	3,06	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 799
15	Bìp Hà	Hè	29/05/1989	2,85	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 32
16	Vì Văn Hình	Hình	16/01/1992	2,83	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 801
17	Trần Thị Huyền	Huyền	06/05/1993	3,27	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 803
18	Đỗ Thị Lai	Lai	25/05/1991	3,31	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 804
19	Lê Thị Lành	Lành	17/06/1992	3,60	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 805
20	Trần Thị Linh	Linh	12/04/1993	3,23	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 806
21	Lê Thị Linh	Linh	19/07/1993	3,34	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 807
22	Bùi Thị Xuân Mai	Mai	07/02/1993	2,96	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 809
23	Alang Mười	Mười	01/08/1990	2,56	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 33
24	Nguyễn Thị Hà My	My	17/03/1993	3,05	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 811
25	Lê Thị Nga	Nga	08/10/1993	3,07	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 813
26	Dương Thị Nga	Nga	02/07/1993	3,10	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 814
27	Đầu Thị Minh Nguyệt	Nguyệt	06/09/1993	3,01	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 815
28	Nguyễn Văn Nhất	Nhất	26/03/1990	2,32	6628/DHĐN-DT ngày 11/11/2011 9
29	Đinh Tân Ninh	Ninh	15/06/1993	3,53	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 816
30	Cao Thị Hoàng Phụng	Phụng	23/11/1993	2,86	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 819
31	Trương Thị Phương	Phượng	28/02/1992	2,88	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 820
32	Hoàng Thị Như Quỳnh	Quỳnh	06/04/1992	3,07	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 821
33	Phạm Thị Như Quỳnh	Quỳnh	11/06/1993	2,97	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 822
34	Nguyễn Thị Tô Tâm	Tâm	11/12/1993	2,65	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 823
35	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Tâm	12/01/1993	3,06	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 824
36	Trần Thị Thân	Thân	19/09/1992	3,14	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 829
37	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	16/04/1993	3,03	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 825
38	Trần Thị Thanh	Thanh	20/10/1993	3,04	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 826
39	Trần Thị Thảo	Thảo	06/08/1993	2,88	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 827
40	Nguyễn Thị Thu Thảo	Thảo	25/06/1992	2,82	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 828
41	Trần Thị Tho	Tho	11/08/1993	2,70	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 830
42	Phạm Thị Hoàng Thủy	Thủy	01/07/1993	3,30	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 833

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
43	Bùi Thị	Tiến	02/10/1992	3,42	Giỏi	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 29/08/2011 834
44	Hà Ngọc	Toàn	10/06/1991	2,91	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 29/08/2011 835
45	Nguyễn Thị Hồng	Trang	03/06/1993	3,03	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 29/08/2011 836
46	Trương Thị Thuỳ	Trang	16/04/1993	3,06	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 29/08/2011 837
47	Nguyễn Thị	Tươi	12/10/1993	3,17	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 29/08/2011 838
48	Phạm Thị Ái	Vân	13/05/1993	3,70	Xuất sắc	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 29/08/2011 840
49	Phan Thị	Vấn	01/09/1993	2,89	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 29/08/2011 841
50	Đinh Thị	Vĩnh	24/10/1992	3,06	Khá	4707/ĐHĐN-ĐT ngày 29/08/2011 842

Ấn định danh sách này có 50 (năm mươi) sinh viên, trong đó:

- 02 Xếp loại Xuất sắc
- 12 Xếp loại Giỏi
- 35 Xếp loại Khá
- 01 Xếp loại Trung bình *hmr*



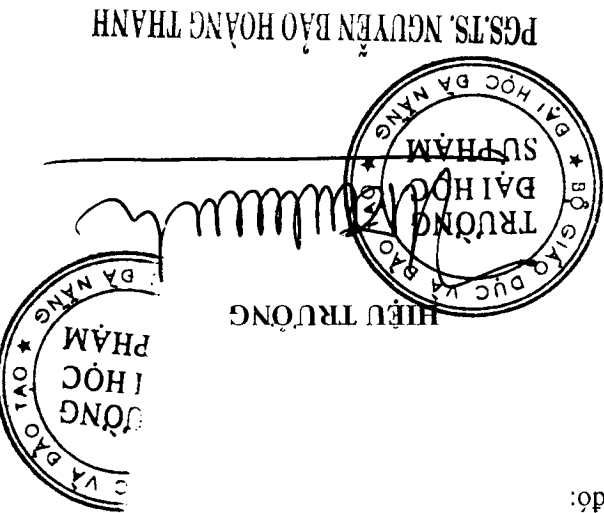
PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
 (Kèm theo Quyết định số 335/QĐ-TN ngày 5 tháng 5 năm 2015 của Hiệu trưởng.
 Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Lâm Thủy	02/01/1993	2,87	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1005
2	Phan Lê Xuân	17/04/1993	3,40	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1006
3	Nguyễn Võ Hoàng	09/02/1993	2,86	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1007
4	Võ Thị	24/05/1992	2,81	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1008
5	Đỗ Thị Kim	17/08/1993	3,11	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1009
6	Nguyễn Thị	01/11/1993	2,51	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1010
7	Chế Thị Thanh	24/11/1993	2,84	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1011
8	Trần Thị	10/07/1991	2,33	Trung bình	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 38
9	Arát Thị	17/09/1990	2,42	Trung bình	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 40
10	Phan Thị Phương	15/01/1993	3,20	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1013
11	Nguyễn Thị Thủy	02/09/1993	2,94	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1014
12	Hứa Thị Ngọc	21/09/1992	2,96	Khá	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 41
13	Nguyễn Thị Mỹ	02/04/1992	3,05	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1012
14	Nguyễn Thị Thủy	20/06/1993	3,35	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1016
15	Trương Thị Bảo	04/03/1993	2,81	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1017
16	Nguyễn Thị Thủy	31/12/1993	3,18	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1018
17	Trần Văn	22/11/1991	2,26	Trung bình	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1020
18	Nguyễn Thị	13/03/1993	2,98	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1021
19	Nguyễn Thị Thảo	12/03/1993	2,92	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1023
20	Lê Thị Hương	17/11/1993	3,04	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1024
21	Tăng Thị Bích	22/02/1992	3,07	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1025
22	Hoàng Thị Ngân	12/10/1993	2,53	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1026
23	Kim Thị	06/03/1991	2,60	Khá	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 43
24	Phan Thị Cẩm	29/06/1993	2,96	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1027
25	Nguyễn Thị Thủy	05/12/1993	3,07	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1029
26	Trần Diệu Diễm	08/12/1993	2,72	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1028
27	Hồ Thị	17/05/1993	3,19	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1031
28	Lê Thị Thu	19/10/1993	2,89	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1033
29	Aliang Thị	01/04/1991	2,47	Trung bình	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 45
30	Cao Thị	06/04/1993	3,28	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1030
31	Nguyễn Thị Diệu	04/09/1992	3,08	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1034
32	Đào Thị Thanh	12/02/1993	3,16	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1035
33	Lê Thị Kim	13/09/1993	3,38	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1036
34	Àvô	06/06/1991	2,70	Khá	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 46
35	Nguyễn Thị Bích	29/03/1993	2,79	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1037
36	Nguyễn Thị	02/04/1993	3,06	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1038
37	Trần Thị Thảo	23/06/1993	3,15	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1039
38	Nguyễn Lê Ngọc	28/06/1992	2,93	Khá	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 47
39	Võ Thị	14/06/1993	2,92	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1040
40	Ngô Thị	18/09/1993	3,05	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1043
41	Hồ Thị Kim	05/11/1993	2,89	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1042
42	Trần Thị	02/12/1993	3,21	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1044



STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
43	Võ Thị Hoàng Kim	16/12/1993	3,07	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1041
44	Hà Thị Tuyết Lanh	01/11/1992	2,91	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1046
45	Trần Thị Lâm	02/09/1991	2,93	Khá	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 48
46	Trần Thị Hoàng Linh	04/03/1992	3,23	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1047
47	Lê Trúc Linh	05/05/1993	2,75	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1048
48	Nguyễn Thị Lộc	19/08/1991	3,46	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1050
49	Vũ Thị Khánh Ly	16/07/1993	3,36	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1052
50	Huỳnh Phạm Trà Ly	02/11/1991	3,13	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1053
51	Nguyễn Thị Hằng Min	17/03/1993	3,24	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1054
52	Hồ Thị Mươi	10/06/1986	2,80	Khá	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 49
53	Lương Thị Kim My	19/10/1993	3,01	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1055
54	Nguyễn Thị Thủy Na	06/10/1991	3,09	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1056
55	Trương Thị Hằng Nga	27/10/1993	3,04	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1057
56	Ra Pát Thị Ngăm	15/09/1991	2,69	Khá	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 50
57	Tà Thị Ngàn	27/07/1993	3,32	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1059
58	Đông Thị Nghi	01/07/1993	3,03	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1060
59	Colau Nghiu	03/04/1989	2,56	Khá	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 51
60	Nguyễn Thị Bích Ngoc	05/06/1993	3,04	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1061
61	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	08/03/1992	2,92	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1062
62	Lê Trương Quỳnh Nhi	11/09/1993	3,29	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1063
63	Võ Thị Ý Nhi	26/06/1992	2,77	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1065
64	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	09/12/1993	2,96	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1064
65	Phạm Thị Nhỏ	27/02/1992	3,02	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1066
66	Nguyễn Thị Quỳnh Như	12/07/1993	2,85	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1069
67	Ngô Thị Mỹ Nhung	14/03/1993	3,01	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1067
68	Nguyễn Thị Thu Ny	09/07/1993	2,84	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1071
69	Hoàng Phuong Oanh	02/05/1993	3,12	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1073
70	Hồ Thị Kim Oanh	17/02/1993	2,94	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1072
71	Cao Thị Phúc	03/09/1992	2,81	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1075
72	Trần Thị Hồng Phúc	05/04/1992	2,78	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1074
73	Nguyễn Mai Phuong	05/05/1992	3,17	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1077
74	Lư Thị Kim Phuong	04/04/1993	2,79	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1079
75	Trần Hữu Thị Duy Phuong	16/05/1992	2,67	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1076
76	Nguyễn Lê Thị Ngoc Phuong	01/04/1993	3,04	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1078
77	Bàn Thị Phuong	01/02/1992	2,62	Khá	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 52
78	Võ Thị Phuong	19/03/1993	2,96	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1081
79	Lê Thị Bích Phuong	28/09/1992	3,04	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1083
80	Nguyễn Hoàng Diem Phuong	10/11/1993	3,03	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1085
81	Nguyễn Thị Phuong	13/01/1993	3,06	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1082
82	Nguyễn Thị Phuong	01/03/1993	2,92	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1084
83	Võ Thị Tâm	16/10/1993	2,78	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1086
84	Võ Thị Thu Tân	01/02/1993	3,04	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1087
85	Nguyễn Thị Hồng Thanh	01/07/1992	3,13	Khá	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 55
86	Nguyễn Thị Thảo	17/05/1993	3,33	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1091
87	Diệp Thị Thảo	26/10/1993	3,01	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1093
88	Đào Thị Thu Thảo	05/02/1993	3,27	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1089
89	Ma Thị Thu Thảo	10/10/1993	3,07	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1090



PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH

- 00 Xếp loại Xuất sắc
- 17 Xếp loại Giỏi
- 90 Xếp loại Khá
- 04 Xếp loại Trung bình

An định danh sách này có 111 (một trăm mười một) sinh viên, trong đó:

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
90	Trần Thị Thanh	26/08/1993	3,19	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1092
91	Lê Thị Thanh	27/12/1992	3,12	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1095
92	Trần Thị Việt	29/07/1992	3,13	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1094
93	Nguyễn Thủy	18/12/1993	2,67	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1097
94	Trần Thị	15/07/1992	3,33	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1096
95	Nguyễn Thị Thủy	29/09/1993	2,94	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1098
96	Trần Thị	02/01/1992	2,68	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1099
97	Alang Thị	28/08/1992	2,60	Khá	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 54
98	Nguyễn Thu	01/07/1993	2,91	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1101
99	Nguyễn Thị Bích	25/05/1993	2,79	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1100
100	Võ Huyền	26/10/1993	2,91	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1102
101	Hồ Thị Thanh	15/01/1993	3,10	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1103
102	Nguyễn Thị Thanh	06/03/1992	3,21	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1104
103	Lê Thị Thu	14/01/1993	3,41	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1105
104	Huỳnh Phương	28/08/1993	3,18	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1107
105	Bùi Thảo	30/06/1993	3,10	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1106
106	Nguyễn Thị Thanh	02/12/1993	3,01	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1108
107	Nguyễn Thị Hương	24/05/1993	2,91	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1110
108	Nguyễn Thị Tường	13/05/1993	3,16	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1113
109	Nguyễn Thị	03/02/1990	2,62	Khá	4223/DHĐN-DT ngày 18/08/2011 59
110	Nguyễn Thị	06/10/1991	2,79	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1114
111	Hồ Thị	28/01/1993	2,95	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1115

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
 (Kèm theo Quyết định số 335/QĐ-TT ngày 5 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng,
 Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

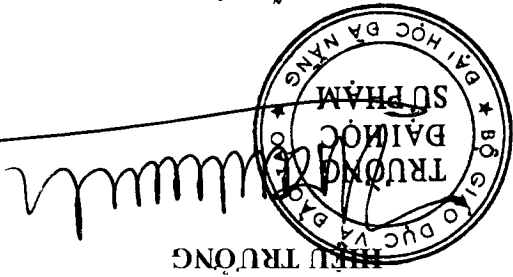
STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Mỹ	22/05/1992	3,26	Giỏi	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1118
2	Lê Thị Huyền	29/03/1993	3,07	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1116
3	Nguyễn Thị Bôn	12/12/1992	3,04	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1119
4	Nguyễn Thị Lê	30/05/1992	3,15	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1120
5	Dư Thị	01/02/1993	2,86	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1121
6	Nhân Thị Thanh	16/01/1993	2,93	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1122
7	Huỳnh Thị Thủy	01/01/1993	3,12	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1124
8	Lê Thị Khanh	07/12/1993	3,43	Giỏi	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1123
9	Nguyễn Thị Vĩnh	09/01/1993	3,05	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1126
10	Bằng Thị Anh	17/05/1993	3,04	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1128
11	Thái Thị	27/07/1993	3,08	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1127
12	Nguyễn Lê An	28/12/1993	3,07	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1129
13	Nguyễn Thị Giang	10/10/1992	3,21	Giỏi	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1130
14	Trần Nguyễn Thị Mộng	10/10/1993	3,38	Giỏi	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1131
15	Lê Vũ Nhật	24/08/1993	3,23	Giỏi	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1135
16	Lê Thị Hải	01/01/1993	2,90	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1134
17	Phan Thị Diệu	08/07/1993	3,18	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1138
18	Lê Thị Thanh	10/11/1992	3,24	Giỏi	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1140
19	Hoàng Thị Hồng	17/06/1991	2,89	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1136
20	Nguyễn Thị Hành	07/03/1993	3,07	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1137
21	Trương Thị Hào	20/08/1993	3,46	Giỏi	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1133
22	Nguyễn Thị Thanh	25/06/1992	3,08	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1143
23	Phạm Thị Hiệp	05/06/1992	3,30	Giỏi	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1142
24	Nguyễn Thị Thanh	06/02/1993	3,00	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1144
25	Nguyễn Thị Hoà	23/06/1993	3,03	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1145
26	Tân Thị Thu	31/10/1993	2,92	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1147
27	Nguyễn Thị Thu	07/01/1993	3,34	Giỏi	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1146
28	Võ Thị Thanh	18/05/1993	3,07	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1148
29	Lâm Thị Hành	01/01/1993	2,92	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1149
30	Nguyễn Thị Lan	07/03/1993	3,06	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1152
31	Nguyễn Thị Hương	18/12/1993	2,97	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1154
32	Trần Thị Diễm	30/12/1993	3,24	Giỏi	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1153
33	Nguyễn Thị Thu	10/11/1993	3,34	Giỏi	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1155
34	Lê Thị Ngọc	01/12/1992	3,23	Giỏi	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1150
35	Nguyễn Thị Huyền	25/12/1993	2,83	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1151
36	Y	21/08/1991	2,92	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1156
37	Trần Thị Quỳnh	14/06/1993	3,16	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1158
38	Nguyễn Thị Lan	04/08/1993	3,43	Giỏi	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1159
39	Huỳnh Thị Thanh	04/05/1992	3,07	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1160
40	Trần Thị Lê	18/04/1992	2,90	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1161
41	Trần Thị Liều	19/05/1993	3,01	Khá	4707/BHDN-DT ngày 29/08/2011 1162



STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trình tuyển số, ngày tháng năm
42	Nguyễn Thị Lương	22/04/1993	2,86	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1163
43	Dương Thị Ly	26/09/1993	2,99	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1166
44	Mai Thị Ly	15/03/1993	3,20	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1168
45	Trần Thị Diệu Ly	30/08/1993	3,03	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1165
46	Nguyễn Thị Khánh Ly	02/09/1992	2,92	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1167
47	Phảng Thị Bình Minh	09/06/1992	2,75	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1169
48	Bành Thị Diễm My	21/03/1993	3,15	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1171
49	Trần Thị Nga	18/10/1993	3,06	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1172
50	Phan Hồng Ngọc	26/07/1993	2,98	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1173
51	Phạm Thị Nguyệt	20/03/1993	3,38	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1176
52	Lê Thị Mỹ Nhi	27/05/1993	3,21	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1178
53	Nguyễn Thị Oanh	01/03/1993	3,10	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1179
54	Phan Thị Phúc	26/12/1993	3,10	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1180
55	Ngô Thị Thu Phuong	01/11/1993	3,05	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1181
56	Trần Thị Phuong	30/05/1993	3,47	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1183
57	Vũ Kim Phuong	29/07/1993	2,99	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1185
58	Nguyễn Thị Ly Phuong	25/06/1992	3,47	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1182
59	Lê Thị Kim Phuong	02/02/1992	3,06	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1184
60	Nguyễn Thị Hồng Quý	01/05/1993	2,94	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1188
61	Nguyễn Thị Quyet	15/05/1992	3,35	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1186
62	Trần Thị Quynh	02/02/1992	2,85	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1191
63	Lê Thị Trúc Quynh	01/01/1992	3,15	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1190
64	Nguyễn Thị Tú Quynh	23/01/1993	3,31	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1192
65	Trần Thị Như Quynh	26/03/1993	3,29	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1193
66	Nguyễn Thị Thanh Quyi	20/08/1993	3,26	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1189
67	Nguyễn Thị Thu Sung	10/12/1991	2,90	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1194
68	Lê Thị Tâm	24/04/1992	3,17	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1195
69	Nguyễn Thị Kim Tê	14/09/1992	2,96	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1213
70	Hoàng Thị Thái	15/04/1993	3,03	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1197
71	Vân Thị Thanh	13/03/1992	3,26	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1196
72	Võ Thị Thu Thảo	24/07/1993	3,26	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1199
73	Bồ Thị Phuong Thảo	28/02/1993	2,96	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1198
74	Phạm Thị Thu	06/09/1992	2,96	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1201
75	Lê Thị Thu	27/03/1993	3,01	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1200
76	Nguyễn Thị Thu	28/12/1992	3,26	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1208
77	Trần Thị Diệu Thuong	04/05/1993	3,00	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1211
78	Thái Thị Thuong	09/09/1992	2,93	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1210
79	Phan Thị Hoài Thuong	10/10/1993	3,44	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1212
80	Y - Thuth	09/02/1991	2,83	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1202
81	Nguyễn Thị Thu	06/12/1992	3,34	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1205
82	Lê Thị Thu	26/12/1993	3,08	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1207
83	Đặng Thị Thu	16/01/1991	2,86	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1204
84	Trần Thị Thu	04/07/1993	3,29	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1206
85	Nguyễn Thị Thanh Trà	14/03/1993	3,26	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1214
86	Doãn Ngân Trâm	27/02/1993	3,24	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1215
87	Võ Thị Bích Trâm	11/10/1993	3,01	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1216
88	Nguyễn Thị Thanh Trâm	16/09/1993	3,04	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1217



PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH



HIỆU TRƯỞNG

- 00 Xếp loại Xuất sắc
- 32 Xếp loại Giỏi
- 65 Xếp loại Khá
- 00 Xếp loại Trung bình *khá*

An định danh sách này có 97 (chín mươi bảy) sinh viên, trong đó:

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Điểm Tr.bình	Xếp loại Tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
89	Huỳnh Thị Trinh	26/12/1993	3,28	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1219
90	Nguyễn Thị Hồng	29/01/1993	3,26	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1222
91	Lưu Lâm Phương	14/01/1993	3,08	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1223
92	Ngô Bùi Nhật	02/04/1993	2,96	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1225
93	Trần Thị Thảo	10/05/1993	2,87	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1224
94	Nguyễn Thị Vân	13/08/1993	3,17	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1227
95	Phạm Thị Thảo	30/09/1993	3,02	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1228
96	Võ Thị Xuân	30/03/1993	3,12	Khá	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1229
97	Trương Thị Y	17/02/1992	3,22	Giỏi	4707/DHĐN-DT ngày 29/08/2011 1230